

ETA



**TÌNH HÌNH  
XUẤT, NHẬP KHẨU  
MỘT SỐ MẶT HÀNG CHÍNH  
SANG CÁC NƯỚC  
THÀNH VIÊN CPTPP**

**Tháng 01/2021**

Đơn vị thực hiện:

**VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN  
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội



024. 22 205 420 - 024. 22 202 245



wto\_mtpd@moit.gov.vn

# XUẤT KHẨU

Xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP tháng 01/2021

Giá trị



**3,71 tỷ USD**

Tỷ trọng

**12,99%**

trên tổng kim ngạch  
xuất khẩu cả nước

So cùng kỳ 2020

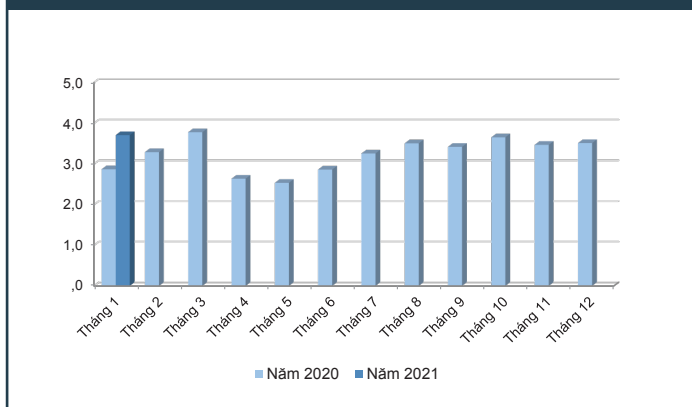


**5,54%**

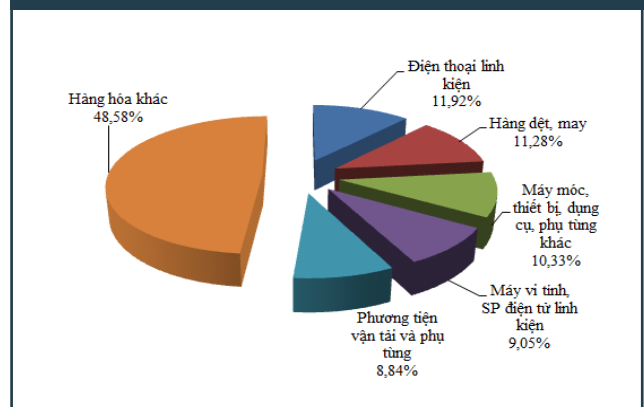
Trong tháng 01/2021, xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP<sup>1</sup> chiếm tỷ trọng 12,99% tương đương kim ngạch 3,71 tỷ USD, tăng 5,54% so với tháng 1/2020. Các mặt hàng chính xuất khẩu sang thị trường này là: Điện thoại các loại và linh kiện chiếm tỷ trọng 11,92%; Hàng dệt may chiếm 11,28%; Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác chiếm 10,33%; Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 9,05%; Phương tiện vận tải và phụ tùng chiếm 8,84%.

<sup>1</sup> Hiện nay, Chile, Peru, Malaysia và Brunei đang tiến hành các thủ tục phê chuẩn Hiệp định CPTPP nên chưa chính thức thực thi Hiệp định.

Biểu đồ 01: Kim ngạch xuất khẩu sang khối thị trường CPTPP theo tháng trong năm 2020 và 2021 (ĐVT: tỷ USD)



Biểu đồ 02: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP tháng 01/2021 (ĐVT: %)



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 01: Tổng trị giá xuất khẩu theo thị trường các nước thành viên CPTPP trong tháng 1 năm 2021\*

STT	Thị trường	Kim ngạch tháng 1/2021 (USD)	So với tháng 1/2020 (%)	Tỷ trọng XK của từng khối (%)	Tỷ trọng so tổng XK của cả nước (%)
<b>Tổng trị giá XK của cả nước</b>		<b>28.545.770.525</b>	<b>55,79</b>	<b>-</b>	<b>100,00</b>
<b>Tổng trị giá XK sang CPTPP</b>		<b>3.708.084.020</b>	<b>5,54</b>	<b>100,00</b>	<b>12,99</b>
1	Nhật Bản	1.740.148.805	12,36	46,93	6,10
2	Canada	398.080.919	54,64	10,74	1,39
3	Australia	391.617.864	62,08	10,56	1,37
4	Singapore	345.400.212	45,32	9,31	1,21
5	Malaysia	309.529.316	31,03	8,35	1,08
6	Mexico	299.257.474	28,59	8,07	1,05
7	Chile	120.360.911	93,07	3,25	0,42
8	New Zealand	57.001.826	114,35	1,54	0,20
9	Peru	45.772.720	93,09	1,23	0,16
10	Brunei	913.973	-78,31	0,02	0,003

\* Ghi chú: Các số liệu này là giá trị xuất khẩu thực tế của Việt Nam với từng nước trong bảng, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không.

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 02: Kim ngạch xuất khẩu theo nhóm ngành hàng (5 nhóm hàng XK mạnh nhất) đối với thị trường các nước thành viên CPTPP trong tháng 01 năm 2021

STT	Mặt hàng XK chính	Kim ngạch tháng 1/2021 (USD)	So với tháng 1/2020 (%)	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng XK sang các nước CPTPP</b>		<b>3.708.084.020</b>	<b>29,14</b>	<b>100</b>
1	Điện thoại các loại và linh kiện	442.163.993	109,89	11,92
2	Hàng dệt, may	418.286.641	5,99	11,28
3	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	382.957.593	63,90	10,33
4	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	335.680.974	33,00	9,05
5	Phương tiện vận tải và phụ tùng	327.676.935	3,97	8,84

\* Ghi chú: Các số liệu này là giá trị xuất khẩu thực tế của từng mặt hàng sang các nước, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không.

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

# NHẬP KHẨU

Nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP tháng 01/2021

Giá trị



**3,48 tỷ USD**

Tỷ trọng

**13,14%**

trên tổng kim ngạch  
xuất khẩu cả nước

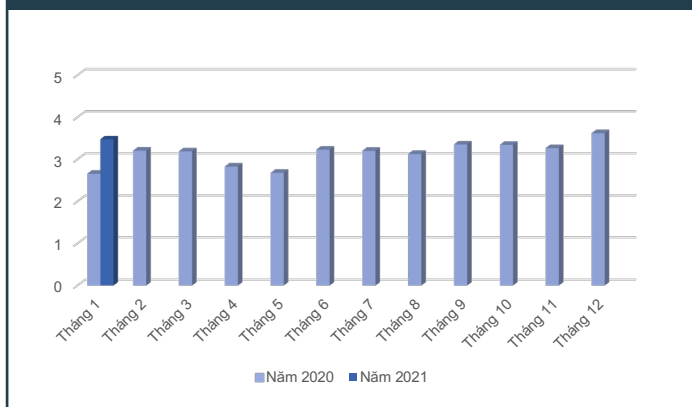
So cùng kỳ 2020

**▲ 30,88%**

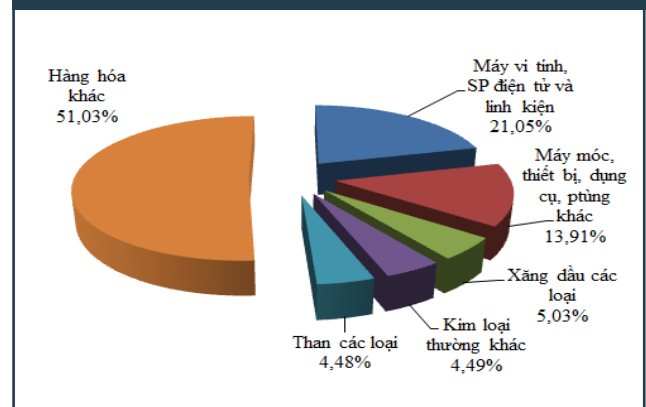
Trong tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 26,46 tỷ USD, tăng 42,26% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP chiếm tỷ trọng 13,14% tương đương kim ngạch 3,48 tỷ USD, tăng 30,88% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng nhập khẩu chính từ khối thị trường này trong tháng đầu năm nay là: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm tỷ trọng 21,05%; Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác chiếm 13,91%; Xăng dầu các loại chiếm 5,03%; Kim loại thường khác chiếm 4,49%; Than các loại chiếm 4,48%;...

Biểu đồ 03: Kim ngạch nhập khẩu từ khối thị trường CPTPP theo tháng trong năm 2020 và 2021 (ĐVT: tỷ USD)



Biểu đồ 04: Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP tháng 1/2021 (ĐVT: %)



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 03: Tổng trị giá xuất khẩu theo thị trường các nước thành viên CPTPP trong tháng 1 năm 2021\*

STT	Thị trường	Kim ngạch tháng 1/2021 (USD)	So với tháng 1/2020 (%)	Tỷ trọng NK của từng khối (%)	Tỷ trọng so tổng NK của cả nước (%)
	Tổng giá trị NK của cả nước	26.459.403.719	42,26	-	100
	Tổng giá trị NK từ CPTPP	3.475.898.048	30,88	100	13,14
1	Nhật Bản	1.679.391.945	30,32	48,32	6,35
2	Malaysia	730.852.232	66,44	21,03	2,76
3	Australia	481.150.972	25,91	13,84	1,82
4	Singapore	387.511.512	20,56	11,15	1,46
5	Canada	58.420.062	-5,07	1,68	0,22
6	Mexico	48.156.869	28,15	1,39	0,18
7	New Zealand	45.849.752	5,39	1,32	0,17
8	Chile	28.389.471	94,92	0,82	0,11
9	Brunei	10.665.201	-79,44	0,31	0,04
10	Peru	5.510.032	-64,25	0,16	0,02

\* Ghi chú: Các số liệu này là giá trị nhập khẩu thực tế của Việt Nam với từng nước trong bảng, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không.

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 04: Kim ngạch nhập khẩu theo nhóm ngành hàng (5 nhóm hàng NK mạnh nhất) đối với thị trường các nước thành viên CPTPP trong tháng 1 năm 2021

STT	Mặt hàng NK chính	Kim ngạch tháng 1/2021 (USD)	So với tháng 1/2020 (%)	Tỷ trọng (%)
	<b>Tổng NK từ các nước CPTPP</b>	<b>3.475.898.048</b>	<b>30,88</b>	<b>100</b>
1	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	731.745.821	42,13	21,05
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	483.530.632	20,47	13,91
3	Xăng dầu các loại	174.920.783	7,39	5,03
4	Kim loại thường khác	156.089.306	59,55	4,49
5	Than các loại	155.711.208	19,70	4,48

\* Ghi chú: Các số liệu này là giá trị nhập khẩu thực tế của từng mặt hàng sang các nước, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không.

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan